

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐA PHÚC

THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG PHIẾU HỌC TẬP
TRONG DẠY HỌC VĂN BẢN:
ĐẤT NƯỚC- *NGUYỄN KHOA ĐIỂM* (NGŨ VĂN 12)

Lĩnh vực/ Môn: **Ngữ văn**

Cấp học: **Trung học phổ thông**

Tên Tác giả: **Bùi Thị Thủy**

Đơn vị công tác: **THPT Đa Phúc**

Chức vụ: **Giáo viên**

NĂM HỌC 2021-2022

MỤC LỤC

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Thời gian nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng nghiên cứu	3
4. Phạm vi nghiên cứu.....	3
PHẦN II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ	4
1. Cơ sở thực tiễn.....	4
1.1. <i>Thực trạng dạy và học tác phẩm thơ trữ tình trong chương trình Ngữ Văn</i>	4
1.2. <i>Thực trạng việc sử dụng phiếu học tập trong dạy học Ngữ Văn</i>	4
1.3. <i>Thực trạng giảng dạy Ngữ văn tại trường THPT Đa Phúc</i>	5
1.3.1. <i>Khảo sát tình hình dạy - học đoạn trích Đất Nước của GV, HS ở THPT</i>	5
1.3.2. <i>Nhận xét kết quả khảo sát</i>	6
2. Thiết kế và sử dụng phiếu học tập	6
2.1. <i>Cơ sở thiết kế phiếu học tập</i>	6
2.2. <i>Vai trò của Phiếu học tập</i>	6
2.3. <i>Phân loại phiếu học tập</i>	7
2.4. <i>Các bước thiết kế phiếu học tập</i>	7
2.5. <i>Sử dụng phiếu học tập</i>	7
3. Thiết kế thể nghiệm	7
3.1. <i>Mục đích thể nghiệm</i>	7
3.2. <i>Đối tượng thể nghiệm</i>	8
3.3. <i>Thiết kế thể nghiệm</i>	8
3.3.1. <i>Các vấn đề xây dựng phiếu học tập</i>	8
3.3.2. <i>Mục đích sử dụng</i>	8
3.3.3. <i>Thiết kế</i>	8
PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	14
1. Kết luận.....	14
1.1. <i>Bảng thống kê kết quả sau thực nghiệm</i>	14
1.2. <i>Hiệu quả của sáng kiến kinh nghiệm</i>	16
1.3. <i>Những bài học kinh nghiệm</i>	16
2. Khuyến nghị	17
TÀI LIỆU THAM KHẢO	18
PHỤ LỤC	19

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nội dung
1.	ĐN	<i>Đất Nước</i>
2.	GV	Giáo viên
3.	HS	Học sinh
4.	K52	Khóa 52 (Năm học 2014-2017)
5.	K55	Khóa 55 (Năm học 2017-2020)
6.	NKĐ	<i>Nguyễn Khoa Điềm</i>
7.	PPDH	Phương pháp dạy học
8.	PHT	Phiếu học tập
9.	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
10.	SGK	Sách giáo khoa
11.	THPT	Trung học phổ thông

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lí do chọn đề tài

Hội nhập toàn cầu, sự bùng nổ của khoa học kĩ thuật và công nghệ thông tin là những đặc trưng cơ bản của thế kỉ XXI. Chính điều ấy đã làm cho tri thức nhân loại tăng lên nhanh chóng từng ngày. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi mỗi người lao động không những phải có trình độ học vấn cao và năng lực chuyên môn giỏi mà còn phải thực sự năng động, sáng tạo trong mọi hoàn cảnh, phải có năng lực tự học và tự rèn luyện kĩ năng thực hành nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời.

Trong lĩnh vực giáo dục, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã nêu rõ: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học...Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”*. Định hướng trên đã được thể chế hóa trong Luật Giáo dục 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, điều 28.2: *“Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học...”*. Như vậy, điểm cốt lõi của **Đổi mới phương pháp dạy học** là theo hướng dạy học lấy học sinh làm trung tâm, giáo viên đóng vai trò là người dẫn dắt, tổ chức hoạt động học, học sinh đóng vai trò chủ động, vừa học kiến thức vừa được làm việc tập thể, hoạt động theo nhóm học tập từ đó rèn cho học sinh cách tự học, các kĩ năng tư duy logic, phát huy tính sáng tạo, xây dựng ý thức tập thể, trách nhiệm cộng đồng và niềm tin về bản thân mình cho mỗi HS.

Môn Ngữ văn trước hết là môn học thuộc nhóm khoa học xã hội. Điều đó nói lên tầm quan trọng của môn học trong việc giáo dục quan điểm, tư tưởng, tình cảm cho học sinh. Nhưng để môn học thực sự phát huy hết chức năng và vai trò của nó thì đòi hỏi người thầy phải có phương pháp giảng dạy hiệu quả. Tuy vậy, do xu hướng phát triển của thời đại khoa học kĩ thuật, do nhu cầu của xã hội cũng như yêu cầu của nghề nghiệp...dẫn đến việc coi nhẹ môn Ngữ Văn đặc biệt là các tác phẩm trữ tình ở học sinh hiện nay cũng là điều không quá khó hiểu. Trong chương trình Ngữ văn 12, **thơ trữ tình** chỉ chung cho các thể thơ thuộc loại trữ tình, trong đó những cảm xúc và suy tư của nhà thơ hoặc của nhân vật trữ tình trước các hiện tượng đời sống được thể hiện một cách trực tiếp. Tính chất cá thể hoá của cảm nghĩ và tính chất chủ quan hoá của sự thể hiện là những dấu hiệu tiêu biểu của thơ trữ tình. Là tiếng hát của tâm hồn, thơ trữ tình có khả năng thể hiện những biểu hiện phức tạp của thế giới nội tâm, từ các cung bậc của tình cảm cho tới những chính kiến, những tư tưởng triết học. So với thể tự sự, việc dạy và học tác phẩm thơ trữ tình sẽ khó khăn hơn.

Đất Nước là một đoạn trích trong tác phẩm thơ trữ tình của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, được in trong tập *Trường ca mặt đường khát vọng*. Văn bản này đã được đưa vào giảng dạy trong giáo dục ở Việt Nam ngày nay với vai trò là sáng tác tiêu biểu cho giai đoạn văn học 65-75 (Văn học thời kì chống Mỹ). Đất Nước là một sáng tác có giá trị về tư tưởng, về nghệ thuật, với những màu sắc thẩm mỹ phong phú, trở thành

diễn hình cho giai đoạn sáng tác văn học của thời kì nó ra đời. Ngoài ra, đây cũng là một trong những văn bản trọng tâm nằm trong đề các kì thi quan trọng (trong đó có thi THPTQG hay thi Tốt nghiệp). Cùng với khoảng cách gần 100 năm ra đời của tác phẩm, nó khiến cho học sinh khó khăn trong việc tiếp cận.

Trong quá trình giảng dạy Ngữ văn lớp 12, tôi đặc biệt lưu ý tới văn bản *Đất Nước*- Nguyễn Khoa Điềm nói riêng và tác phẩm thơ trữ tình nói chung nên đã thực hiện một cuộc điều tra tại 2 lớp thuộc hai khóa tôi tham gia giảng dạy (12E khóa 52 và 12E Khóa 55 trường THPT Đa Phúc). Kết quả thu được như sau:

Phiếu khảo sát 1: Đánh giá mức độ quan trọng của tác phẩm thơ trữ tình khi sử dụng PPDH khác

Nội dung câu hỏi	Đánh giá, phân loại	Lớp 12E k52 (36HS)	Lớp 12E k55 (43 HS)
<i>(?) Theo em tác phẩm thơ có vai trò như thế nào?</i>	Rất Quan trọng	16 %	18%
	Quan trọng	78, 4%	80,7%
	Bình thường	5,6%	1,3%
	Không quan trọng	0%	0%
<i>(?) Nếu chọn em sẽ thích học TP thơ hay TP tự sự?</i>	TP thơ	20,3%	12,5%
	Tác phẩm tự sự	79,7%	77,5%

Phiếu khảo sát 2: Đánh giá mức độ hứng thú học tập tác phẩm thơ trữ tình SGK lớp 11 khi sử dụng PPDH khác

Đánh giá, phân loại	Lớp 12E k52 (36HS)	Lớp 12E k55 (43 HS)
Rất hứng thú	5 %	8%
Hứng thú	18, 4%	20,7%
Bình thường	56,6%	61,3%
Không hứng thú	20%	10%

Như vậy từ kết quả điều tra trên ta dễ nhận thấy mâu thuẫn: Học sinh (HS) ở các lớp dù đã xác định được vai trò của các tác phẩm trữ tình này song HS lại không có hứng thú. PPDH cũ khiến các em tiếp thu kiến thức thụ động, một chiều, cho nên việc khắc sâu văn bản tác phẩm chưa cao. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để HS có hứng thú với việc tìm hiểu, từ đó có thể thâm nhập một cách say mê vào thế giới nghệ thuật của các tác giả. Điều quan trọng hơn là việc khẳng định một PP dạy học phù hợp với yêu cầu, mục tiêu dạy học mới.

Với suy nghĩ ấy, tôi quyết định chọn hướng đi sâu vào vấn đề: ***Thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học văn bản: Đất Nước – Nguyễn Khoa Điềm (Ngữ văn 12)***. Tôi mong sẽ được trao đổi với đồng nghiệp một cách sâu sắc hơn việc dạy kiểu bài này. Từ đó góp phần vào việc nâng cao chất lượng và đổi mới PP dạy học môn Văn trong nhà trường phổ thông.

2. Thời gian nghiên cứu

Từ: 10/2016 → 6/2020 (qua 2 khóa HS lớp 12: K52, K55 THPT Đa Phúc)

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài tập trung vào vấn đề ***Thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học văn bản: Đất Nước – Nguyễn Khoa Điềm (Ngữ văn 12)***

4. Phạm vi nghiên cứu

Giờ học Văn tại lớp: 12E- K52, 12E-K55 THPT Đa Phúc

PHẦN II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

1. Cơ sở thực tiễn

1.1. *Thực trạng dạy và học tác phẩm thơ trữ tình trong chương trình Ngữ Văn*

Về chương trình học: Thời gian phân phối cho một số tác phẩm còn ít trong khi dung lượng văn bản tác phẩm lại khá dài. Một số bài thơ trữ tình hiện đại tuy giản dị, gần gũi nhưng lại mang nhiều tầng ý nghĩa.

Về phía học sinh: Rất nhiều học sinh không thích học Văn, không chú trọng việc học Văn kể cả những tác phẩm giàu cảm xúc như tác phẩm trữ tình. HS thờ ơ và bị động khi tìm hiểu bài học. Văn chương ít có tính năng ứng dụng, tương lai người học ít được đảm bảo, học sinh ngày càng rời xa môn học. Sách tham khảo quá nhiều làm cho học sinh bỏ rơi sách giáo khoa. Việc chuẩn bị bài ở nhà còn hạn chế nên việc học tập theo phương pháp này còn gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, việc học tác phẩm thơ trữ tình chưa đem đến cho học sinh niềm hứng thú nên nhiều em đón nhận tác phẩm một cách hời hợt, chưa tương xứng với một thể loại văn học giá trị và độc đáo. Dù thầy cô nhắc nhở thường xuyên, giám sát chặt chẽ thế nhưng khi kiểm tra bài cũ rất nhiều em không học bài và không soạn bài ở nhà.

Các tác phẩm trữ tình không phải là khái niệm mới đối với học sinh lớp 10 thế nhưng sự cảm nhận của học sinh về nội dung văn bản cũng như thể loại còn rất mờ nhạt. Từ đó dẫn đến nhanh quên kiến thức. Bị hổng kiến thức nhiều khiến các em càng không thích học.

Về phía giáo viên: Hầu hết giáo viên thường gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình dạy những tác phẩm trữ tình. Dạy Văn không hề dễ, dạy một tác phẩm thơ trữ tình được xem là phần thể loại khó nhất trong môn Văn. GV còn lúng túng khi dẫn dắt học sinh khám phá nội dung và nghệ thuật. Cho nên truyền thụ một cách áp đặt, nhồi nhét hoặc sơ sài không phát huy được tính sáng tạo của học sinh khi học tác phẩm trữ tình; làm mất đi vẻ đẹp vốn có của một dạng tác phẩm văn học.

1.2. *Thực trạng việc sử dụng phiếu học tập trong dạy học Ngữ Văn*

Qua tìm hiểu khảo sát học sinh, có thể thấy việc sử dụng phiếu học tập trong dạy và học các môn học trong nhà trường chưa phổ biến, có sử dụng thì chỉ sử dụng vào các tiết dạy thao giảng, dự giờ...; các môn như Anh văn, Sinh học thì tần số sử dụng có nhỉnh hơn so với các môn khác; riêng với môn Ngữ văn thì hầu như GV ngại sử dụng phiếu học tập vì thêm thao tác làm việc trên máy tính, nghiên cứu và chốt lọc nội dung bài học để gợi dẫn HS.

1.3. Thực trạng giảng dạy Ngữ văn tại trường THPT Đa Phúc

1.3.1. Khảo sát tình hình dạy - học đoạn trích Đất Nước của GV, HS ở THPT

Phiếu khảo sát 3: Khảo sát GV văn THPT về tình hình dạy đoạn trích Đất Nước khi chưa sử dụng PHT

Số GV	Thuận lợi				Khó khăn			
10 GV	HS thích học	HS soạn bài ở nhà	Thời gian (TG) cho bài giảng hợp lý	Tài liệu tham khảo nhiều	HS không thích học	HS không soạn bài ở nhà	TG cho bài giảng chưa hợp lý	Tài liệu tham khảo ít
	05	05	03	05	04	03	05	03

Phiếu khảo sát 4:

Hiện nay Thầy (Cô) đang áp dụng PP dạy học nào khi dạy đoạn trích Đất Nước?

Tổng số giáo viên	Phương pháp dạy học	Số lượng ý kiến
10 GV	Dùng phiếu học tập	03
	PP khác	07

Phiếu khảo sát 5:

Khảo sát tình hình học tác phẩm thơ trữ tình ở lớp 12 của K52 và K55 khi chưa sử dụng PHT

Nội dung	Các mức độ	Các lớp			
		12EK52 (Đ CHỌN 2) 36 HS		12EK55 (Đ chọn 2) 43 HS	
		SL	%	SL	%
Mức độ hứng thú trong giờ học?	Hứng thú	15	40%	21	48.8%
	Bình thường	17	44.4%	19	44.2%
	Không	4	15.6%	3	7%
Mức độ ghi nhớ kiến thức?	Tốt	12	33.3%	18	41.9%
	Bình thường	23	57.8%	25	58.1%
	Kém	1	0.9%	0	0%

1.3.2. Nhận xét kết quả khảo sát

Kết quả thu được:

- GV vẫn còn boăn khoăn, lúng túng trong quá trình lựa chọn PPDH tác phẩm thơ trữ tình trong đó có văn bản *Đất Nước*- Nguyễn Khoa Điềm

- HS ít hứng thú với tác phẩm

- Mức độ tiếp thu kiến thức và ghi nhớ không cao

Nguyên nhân của kết quả trên:

Về phía GV:

- Khâu thiết kế giáo án cho thấy thực chất chỉ là đề cương nội dung bài cần truyền đạt. Nói cách khác, GV lược hoá văn bản SGK theo đường thẳng từ đầu đến cuối, từ trên xuống dưới. Đó là một thiết kế nội dung ứng với những hoạt động của thầy mà không tính đến hoạt động của trò. Với giáo án đó, GV thực hiện lối dạy truyền thống, một chiều, trung thành với kiến thức SGK đã tóm lược, không liên hệ, mở rộng.

Về phía HS:

- Vì GV liên tục thuyết trình nên công việc chính của HS là nghe và ghi chép. Sự thụ động của HS biểu hiện rõ đến mức phần nào GV nói, đọc chậm thì HS ghi chép được đầy đủ. Những phần khác nghe GV thuyết trình hầu hết HS không ghi được gì vì khả năng chắt lọc, tổng hợp vấn đề không có.

- Do chất lượng học sinh không đồng đều, số lượng học sinh yếu kém nhiều.

- Ý thức học tập phần đầu vươn lên của các em chưa cao, chưa có phương pháp học hiệu quả nhất: phần đông là học vẹt, không hiểu sâu.

- Các em chưa có hứng thú học bộ môn Văn.

2. Thiết kế và sử dụng phiếu học tập

2.1. Cơ sở thiết kế phiếu học tập

Trong quá trình thiết kế phiếu học tập, giáo viên căn cứ vào các yếu tố sau đây:

- Theo các mức độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng (từ cấp độ thấp đến cao)

- Dựa vào mục đích của phiếu học tập: để hình thành kiến thức, hay củng cố, ôn tập...

- Dựa vào mục tiêu cần đạt của bài học (kiến thức, thái độ, năng lực).

2.2. Vai trò của Phiếu học tập

- Cung cấp thông tin và sự kiện: Phiếu học tập chứa đựng thông tin, dữ liệu hoặc sự kiện hoặc dùng làm cơ sở cho một hoạt động nhận thức nào đó.

- Công cụ hoạt động và giao tiếp: Phiếu học tập chứa đựng các câu hỏi, bài tập, yêu cầu hoạt động, những vấn đề để yêu cầu HS giải quyết, hoặc thực hiện kèm theo những hướng dẫn, gợi ý cách làm...

- PHT kích thích HS chuẩn bị bài mới ở nhà hiệu quả bằng những định hướng cụ thể, hỗ trợ HS tìm kiếm và khai thác thông tin, sự kiện...nhờ đó có thể tiết kiệm được thời gian lên lớp.

- PHT là phương tiện tích cực rèn luyện kỹ năng cho HS: Kỹ năng hoạt động, thao tác tư duy: tổng hợp, phân tích, so sánh...

- PHT phát huy tính tích cực, chủ động...giúp GV phân loại được HS

2.3. Phân loại phiếu học tập

- Dựa vào mục đích: Phiếu học bài, phiếu ôn tập, phiếu kiểm tra.
- Dựa vào nội dung:
 - + Phiếu thông tin: Nội dung gồm các thông tin bổ sung, mở rộng, minh họa cho các kiến thức cơ bản của bài.
 - + Phiếu bài tập: Nội dung là các bài tập nhận thức hoặc bài tập củng cố.
 - + Phiếu yêu cầu: Nội dung là các vấn đề và tình huống cần phải giải quyết.
 - + Phiếu thực hành: Nội dung liên quan đến những nhiệm vụ thực hành, rèn luyện kỹ năng.

2.4. Các bước thiết kế phiếu học tập

- Bước 1: Xác định trường hợp cụ thể của việc sử dụng phiếu học tập trong bài dạy học.
- Bước 2: Xác định nội dung của phiếu học tập, cách trình bày nội dung của phiếu học tập và hình thức thể hiện trong phiếu học tập.
 - + Nội dung của phiếu học tập được xác định dựa vào một số cơ sở sau: mục tiêu của bài học, kiến thức cơ bản, phân bố thời gian, phương pháp và PTDH, môi trường lớp học để xác định nội dung, khối lượng công việc trong phiếu học tập cho phù hợp. Ngoài ra phiếu phải đảm bảo tính chính xác, khoa học của hệ thống
 - + Hình thức: điền vào chỗ trống hoặc ô, chọn đúng – sai hoặc nhiều lựa chọn, trả lời ngắn theo câu hỏi có sẵn, trình bày quan điểm...

- Bước 3: Viết phiếu học tập:

Các thông tin, yêu cầu... trên phiếu học tập phải được ghi rõ ràng, ngắn gọn, chính xác, dễ hiểu. Phần dành cho học sinh điền các thông tin phải có khoảng trống thích hợp. Cách trình bày phiếu phải đảm bảo tính khoa học, thẩm mỹ.

2.5. Sử dụng phiếu học tập

Việc sử dụng phiếu học tập thường được diễn ra theo quy trình sau:

- Giáo viên nêu nhiệm vụ học tập, giao phiếu học tập cho học sinh, tùy theo hình thức tổ chức dạy học mà giáo viên giao cho mỗi học sinh một phiếu hay mỗi nhóm một phiếu.
- Tiến hành quan sát, hướng dẫn và giám sát kết quả hoạt động của học sinh.
- HS làm việc với nguồn tài liệu và hoàn thành phiếu học tập
- Tổ chức cho một số cá nhân hoặc đại diện nhóm trình bày kết quả làm việc với phiếu học tập. Hướng dẫn toàn lớp trao đổi, bổ sung hoàn thành phiếu học tập. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh trao đổi chéo nhau để sửa chữa, đánh giá kết quả làm việc với phiếu học tập của nhau trên cơ sở các kết luận của giáo viên.

3. Thiết kế thể nghiệm

3.1. Mục đích thể nghiệm

- GV tổ chức hướng dẫn để HS tự làm việc với văn bản SGK. Tự phát hiện và xác định hệ thống luận điểm, những nhận định tổng hợp của bài học.

- Kết hợp các PP dạy học tích cực để tạo ra những tình huống học tập, yêu cầu khích lệ HS tự giác, tích cực chủ động tham gia giải quyết các vấn đề đặt ra trong bài dưới sự tổ chức điều khiển của GV. Từ đó kiểm nghiệm lại tính đúng đắn của vấn đề mà sáng kiến nêu ra.

- Thông qua thể nghiệm để rút ra những kết luận sư phạm bổ ích đối với việc lựa chọn giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy- học.

3.2. Đối tượng thể nghiệm

- HS khối 12.

- Văn bản thể nghiệm: Đất Nước – *Nguyễn Khoa Điềm*

- Bài soạn của: Bùi Thị Thuỷ - GV Văn THPT Đa Phúc – Thị trấn Sóc Sơn – Hà Nội

3.3. Thiết kế thể nghiệm

Văn bản: Đất Nước – Nguyễn Khoa Điềm -

3.3.1. Các vấn đề xây dựng phiếu học tập

- Bộ cục tác phẩm (Phiếu số 1)

- Những phát hiện mới mẻ về cội nguồn Đất nước (Phiếu số 2)

- Cảm nhận Đất nước trên phương diện Địa lý, Lịch sử, Văn hóa (Phiếu số 3)

- Tìm hiểu tư tưởng Đất nước của nhân dân (Phiếu số 4)

- Bài tập vận dụng (Phiếu số 5)

3.3.2. Mục đích sử dụng

- Phiếu số 1: Giúp học sinh có cái nhìn tổng thể về tác phẩm

- Phiếu số 2: GV thiết kế sẵn dưới dạng sơ đồ nhằm kích thích thị giác giúp HS nhanh nhớ và nhớ lâu hơn kiến thức đoạn 9 câu đầu.

- Phiếu số 3: GV thiết kế sẵn dưới dạng sơ đồ nhằm kích thích thị giác giúp HS nhanh nhớ và nhớ lâu hơn kiến thức đoạn 22 câu tiếp.

- Phiếu số 4: GV thiết kế sẵn dưới dạng sơ đồ nhằm kích thích thị giác giúp HS nhanh nhớ và nhớ lâu hơn kiến thức đoạn 13 câu tiếp.

- Phiếu số 5: GV thiết kế sẵn dưới dạng sơ đồ nhằm kích thích thị giác giúp HS nhanh nhớ và nhớ lâu hơn kiến thức phần hai đoạn trích văn bản.

- Phiếu số 6: GV thiết kế sẵn dưới dạng sơ đồ nhằm giúp HS thuận lợi trong việc củng cố và khắc sâu kiến thức về nét đặc sắc nhất trong nghệ thuật biểu hiện.

Phiếu số 7: GV gợi mở, giúp HS có điều kiện đưa ra suy nghĩ, đánh giá của bản thân về tác phẩm.

3.3.3. Thiết kế

PHIẾU HT SỐ 1: BỐ CỤC ĐOẠN TRÍCH ĐẤT NƯỚC

Tên nhóm/HS thực hiện:

HS thực hiện ở nhà

Yêu cầu: HS nắm rõ **Bố cục tác phẩm**



PHẦN 1 (...câu)

.....

PHẦN 2 (...câu)

.....

.....

Nội dung 1:

.....

Nội dung 2:

.....

Nội dung 3:

.....

.....

Nội dung 1:

.....

Nội dung 2:

.....

Nội dung 3:

.....

PHIẾU HT SỐ 2: PHẦN 1- ĐOẠN TRÍCH ĐẤT NƯỚC

- Tên nhóm/HS thực hiện:

- HS thực hiện ở nhà

- Yêu cầu: HS nắm được những phát hiện mới mẻ, thú vị về **Cội nguồn Đất nước**



PHẦN I
NHỮNG CẢM NHẬN
MỚI MẺ VỀ ĐẤT NƯỚC

CỘI NGUỒN ĐẤT NƯỚC (C1->9)

* Đất Nước có từ bao giờ? (Thời gian hình thành)

- Khi ta lớn lên

.....

.....

- những cái ngày xưa ngày xưa mẹ thường kể

.....

.....

* Đất Nước bắt đầu từ đâu? (Yếu tố bắt đầu)

Hình ảnh *miếng trầu*

.....

.....

* Đất Nước lớn lên như thế nào? (Sự phát triển)

- Dân mình trồng tre, đánh giặc

.....

.....

- Búi tóc của mẹ

.....

.....

- Gừng cay, muối mặn

.....

.....

- Hình ảnh “kèo cột”

.....

.....

- Hạt gạo- xay, giã, giần, sàng

.....

.....

- Lời khẳng định

.....

NHẬN XÉT CHUNG

- Phương diện nghệ thuật

.....

.....

- Phương diện nội dung

+ Đất nước có từ.....

+ Đất nước gắn bó với.....

+ Cảm nhận chung về Đất nước.....

<u>PHIẾU HT SỐ 3:</u> PHẦN 1- ĐOẠN TRÍCH <i>ĐẤT NƯỚC</i> Tên nhóm/HS thực hiện: HS thực hiện ở nhà Yêu cầu: HS nắm được <u>Định nghĩa mới mẻ, thú vị của tác giả về Đất Nước</u>	<u>PHIẾU HT SỐ 4:</u> PHẦN 1- ĐOẠN TRÍCH <i>ĐẤT NƯỚC</i> Tên nhóm/HS thực hiện: HS thực hiện ở nhà Yêu cầu: HS nắm được <u>Mối quan hệ và trách nhiệm của cá nhân với Đất Nước</u>
ĐỊNH NGHĨA VỀ ĐẤT NƯỚC (C10-> 29) (Đất Nước là...) * Về phương diện không gian địa lí - Hai yếu tố “Đất” và “Nước” - Không gian địa lý riêng tư - Không gian cộng đồng rộng lớn * Về phương diện lịch sử lâu dài - Trong quá khứ: - Thời điểm hiện tại - Thời gian tương lai * Về phương diện chiều sâu văn hóa: ⇒ Nhận xét chung 	MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN VỚI ĐẤT NƯỚC (C30-> 42) * Sự kết tinh giá trị của ĐN trong mỗi con người - “Anh và em hôm nay” - “một phần ĐN” * Mối quan hệ gắn bó - “Hai đứa cầm tay” – ĐN “hài hòa” - “Cầm tay mọi người” – “ĐN vẹn tròn” * Niềm tin vào thế hệ trẻ - đưa ĐN đi xa: - Đến những ngày mơ mộng * Nhấn gửi trách nhiệm - “gắn bó” - “san sẻ” - “hóa thân” ⇒ Nhận xét chung

PHIẾU HT SỐ 5: PHẦN II ĐOẠN TRÍCH ĐẤT NƯỚC

- Tên nhóm/HS thực hiện:
- HS thực hiện ở nhà
- Yêu cầu: HS nắm được **Tư tưởng Đất Nước của nhân dân**



TƯ TƯỞNG ĐẤT NƯỚC CỦA NHÂN DÂN

Nhân dân làm nên bức tranh không gian Địa lý tươi đẹp * Nhân dân góp công làm nên vẻ đẹp địa danh, thắng cảnh khắp đất nước - <i>Núi Vọng Phu...</i> - <i>Ao đầm</i> - <i>Đất tổ Hùng Vương</i> - <i>Dòng sông xanh</i> - <i>Núi Bút non Nghiên</i> - <i>Thắng cảnh Hạ Long</i> - <i>Địa danh ở Nam Bộ</i> * Khái quát lại vai trò ND + Liệt kê không gian - <i>"4000 năm"</i> - <i>"cuộc đời hóa núi sông"</i> 	Nhân dân làm nên lịch sử 4000 năm * Tiếp cận lịch sử: "nhìn xa vào 4000 năm" * Công lao của nhân dân - Những người con gái con trai với phẩm chất đẹp - Những anh hùng anh và em nhớ..... - Những con người vô danh..... Khi sống Khi chết Vai trò.....	Nhân dân tạo ra và giữ gìn những giá trị văn hóa - <i>Hạt lúa</i> - <i>Lúa</i> - <i>Giọng điệu</i> - <i>Tên xã, làng</i> - <i>Đắp đập be bờ</i> - <i>Chống ngoại xâm, nội thù</i> 	Tư tưởng cốt lõi, cảm hứng bao trùm cả đoạn trích * Tư tưởng ĐN của nhân dân - Lời khẳng định..... - Thể loại VH của nhân dân - Phẩm chất người Việt..... * Viễn cảnh tương lai tươi sáng - Hình ảnh dòng sông - Tiếng hát người chèo đò..... - Vẻ đẹp dòng sông đất nước
--	--	---	--

NHẬN XÉT CHUNG

.....

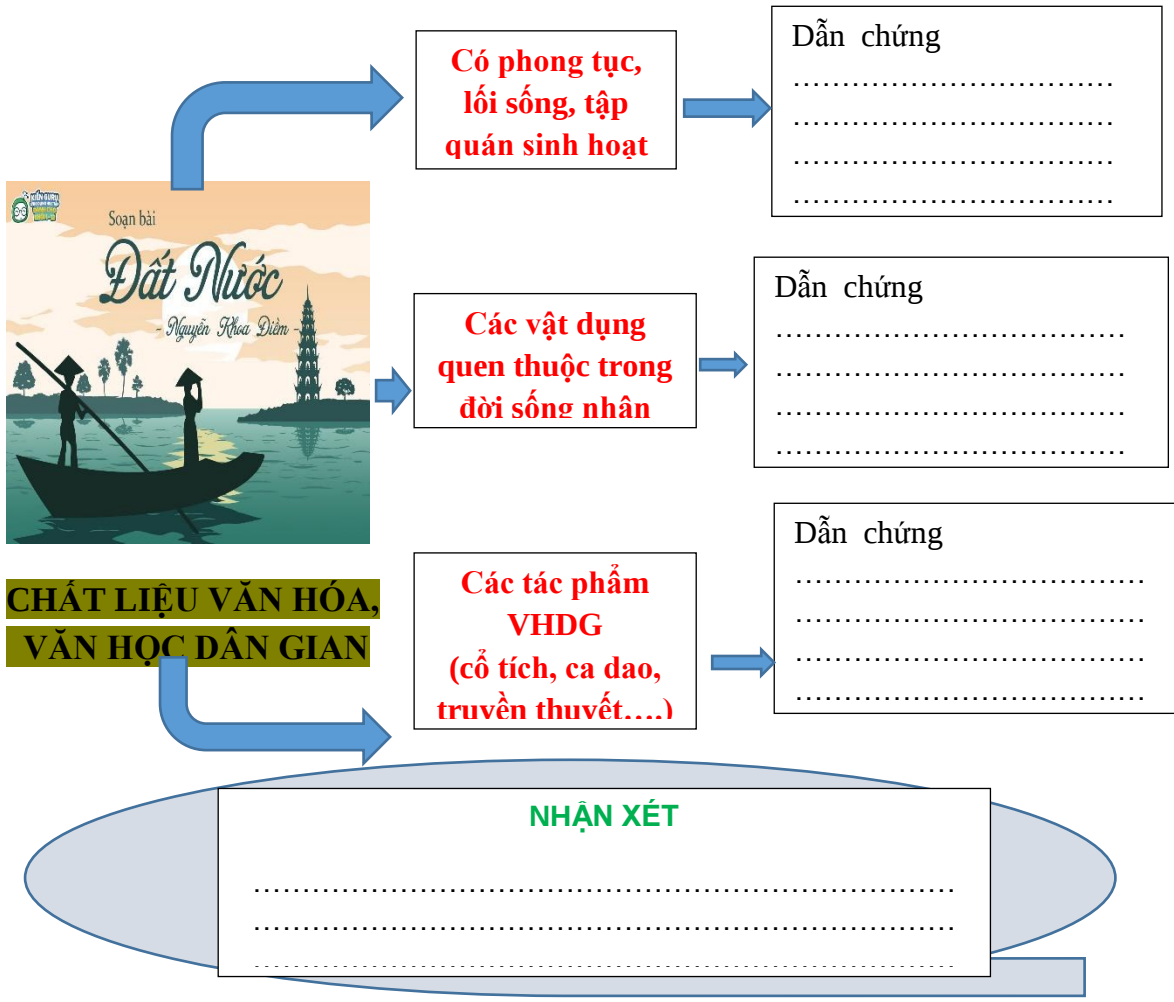
.....

**PHIẾU HT SỐ 6: CHẤT LIỆU VĂN HÓA VĂN HỌC DÂN GIAN
TRONG ĐOẠN TRÍCH ĐẤT NƯỚC**

Tên nhóm/HS thực hiện:

HS thực hiện nhóm 2 người – 7 phút

Yêu cầu: Điền vào khoảng trống



The diagram shows a central box on the left containing an illustration of a boat on a river with the text "Soạn bài Đất Nước - Nguyễn Khoa Điềm". Arrows point from this box to three categories on the right: "Có phong tục, lối sống, tập quán sinh hoạt", "Các vật dụng quen thuộc trong đời sống nhân", and "Các tác phẩm VHDG (cổ tích, ca dao, truyền thuyết....)". Each category has a corresponding "Dẫn chứng" (Evidence) box with dotted lines for writing. A large arrow points from the central box to a large oval at the bottom labeled "NHẬN XÉT" (Conclusion), which also contains dotted lines for writing.

CHẤT LIỆU VĂN HÓA, VĂN HỌC DÂN GIAN

Có phong tục, lối sống, tập quán sinh hoạt

Dẫn chứng

Các vật dụng quen thuộc trong đời sống nhân

Dẫn chứng

Các tác phẩm VHDG (cổ tích, ca dao, truyền thuyết....)

Dẫn chứng

NHẬN XÉT

PHIẾU HT SỐ 7: TƯ TƯỞNG ĐẤT NƯỚC CỦA NHÂN DÂN

Tên nhóm/HS thực hiện:

HS thực hiện tại nhà

- Yêu cầu: Nhận định về đoạn trích Đất Nước (Trích trường ca Mặt đường khát vọng) của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, Sách giáo khoa Ngữ văn 12 viết: “*Đóng góp riêng của đoạn trích là ở sự nhấn mạnh tư tưởng **Đất Nước của nhân dân***”. Anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua đoạn thơ:

“*Những người vợ....núi sông ta*”

.....

.....

.....

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Bảng thống kê kết quả sau thực nghiệm

Bảng 1: Kết quả khảo sát tình hình học tập Ngữ văn lớp 12 trước và sau khi sử dụng PHT

Nội dung	Các mức độ	Các lớp			
		12EK52 (D2) 36HS		12EK55 (D2 chọn)43 HS	
		% trước khi áp dụng	% sau khi áp dụng	% trước khi áp dụng	sau khi áp dụng
Mức độ hứng thú trong giờ học?	Hứng thú	40%	60%	46.8%	70%
	Bình thường	44.4%	33%	42.6%	30%
	Không	15.6%	7%	10.6%	0%
Mức độ ghi nhớ kiến thức?	Tốt	34.1%	45%	40.4%	75%
	Bình thường	57.8%	55%	59.6%	25%
	Kém	0.0%	0%	0%	0%

**Bảng 2: Kết quả Thi THPT Quốc gia năm 2017 và năm 2020
(đề Đất Nước)**

Trong quá trình sử dụng PHT, tôi nhận thấy chất lượng giờ dạy và hứng thú, kết quả của học tập của HS tăng rõ rệt. Đặc biệt trong hai năm học 1016-2017 và 2019-2020 khi đề thi vào một trong những đoạn thơ của văn bản Đất Nước kết quả thi của HS hai khóa tôi dạy đều cao.

Điểm thi THPT Quốc gia	Các mức độ	Các lớp			
		12EK52 (D2) 36HS		12EK55 (D2 chọn) 43 HS	
		Số lượng	%	Số lượng	%
	Điểm giỏi	22	61.1%	42	97.7%
	Điểm khá	13	36.1%	0	0%
	Điểm trung bình	1	2.8%	1	2.3%
	Điểm yếu	0	0%	0	0%

ĐIỂM THI THPT QG EK52 NĂM HỌC 2016-2017

ĐIỂM TRUNG BÌNH: 7.98

STT	Họ và tên	Khối thi	Điểm thi				
1	Hà Thị Hồng Thanh		9	19	Nguyễn Thị Thanh Huyền		8
2	Nguyễn Dương Hồng Hạnh		8.75	20	Nguyễn Quỳnh Hương		8
3	Nguyễn Minh Huyền		8.75	21	Nguyễn Hồng Ngân		8
4	Lê Trúc Lâm		8.75	22	Nguyễn Viên Trà		8
5	Chu Thị Thu		8.75	23	Nguyễn Thị Hằng		7.75
6	Đỗ Phương Trang		8.75	24	Đinh Thị Như Phong	A1	7.75
7	Lê Thị Huyền		8.5	25	Đinh Nguyễn Sơn		7.75
8	Phan Thị Thu Phương		8.5	26	Phạm Thị Kiều Anh		7.5
9	Đàm Tú Anh		8.25	27	Đinh Phương Hiền		7.5
10	Nguyễn Hà Anh		8.25	28	Nguyễn Thị Thủy Hiền		7.5
11	Phạm Hà Anh		8.25	29	Vũ Trung Hiếu		7.5
12	Nguyễn Phương Châm		8.25	30	Nghiêm Thị Huệ		7.5
13	Trần Thúy Hoa		8.25	31	Trần Hải Nam		7.5
14	Vương Thị Mai Hoa		8.25	32	Nguyễn Phương Thanh	A1	7.5
15	Trần Hà Mi		8.25	33	Trần Trường Giang		7.25
16	Nguyễn Trần Diệu My	A1	8.25	34	Nguyễn Thị Thu Huyền	A	7.25
17	Nguyễn Trang Nhung		8.25	35	Tổng Thúy Trang		7.25
18	Phạm Hồng Nhung		8.25	36	Lê Xuân Tùng	A	5.5
				TRUNG BÌNH			7.98

Kết quả thi THPT QUỐC GIA NĂM 2019-2020TRUNG BÌNH : 8.65

ĐIỂM THI TN THPT NĂM 2020 - MÔN NGỮ VĂN

LỚP 12E (EK55) - CHỌN D2 TRƯỜNG THPT ĐA PHÚC - ĐTB: 8.65

TT	Họ và tên	LỚP	Văn	Khối	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Quang Trung	12E	9	D	41.90%
2	Nguyễn Minh Thu	12E	9	D	
3	Tô Quang Hiếu	12E	9	D	
4	Lê Thùy Dương	12E	9	D	
5	Hoàng Khánh Trinh	12E	9	D	
6	Lê Thị Kim Hương	12E	9	D	
7	Nguyễn Ngọc Anh	12E	9	D	
8	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	12E	9	D	
9	Nguyễn Mai Huyền	12E	9	D	
10	Nguyễn Phương Anh	12E	9	D	
11	Nguyễn Thị Trang	12E	9	D	
12	Nguyễn Thị Mai Hương	12E	9	D	
13	Đàm Thị Hoạt	12E	9	D	
14	Lê Thị Thu Trang	12E	9	D	
15	Nguyễn Thị Dung	12E	9	D	
16	Nguyễn Thanh Tùng	12E	9	D	
17	Ngô Thị Thu Yến	12E	9	D	
18	Lê Thanh Tâm	12E	9	D	
19	Trần Thị Phương Thảo	12E	8.75	D	27.9%
20	Nguyễn Thanh Trúc	12E	8.75	D	
21	Nguyễn Ngọc Anh	12E	8.75	D	
22	Nguyễn Ngọc Vân	12E	8.75	D	
23	Hoàng Thị Mai Linh	12E	8.75	D	
24	Lê Hoàng Vũ	12E	8.75	D	
25	Nguyễn Thu Hương	12E	8.75	D	
26	Đặng Thị Bích Ngọc	12E	8.75	D	
27	Nguyễn Thị Thu Huyền	12E	8.75	D	
28	Trần Nguyễn Anh Thu	12E	8.75	D	
29	Tạ Thị Trang	12E	8.75	D	
30	Đỗ Khánh Linh	12E	8.75	D	
31	Nguyễn Không Minh	12E	8.5	D	11.6%
32	Bùi Hương Giang	12E	8.5	D	
33	Nguyễn Khánh Huyền	12E	8.5	D	
34	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12E	8.5	D	
35	Tô Minh Tâm	12E	8.5	D	11.6%
36	Nguyễn Thị Hồng	12E	8.25	D	
37	Nguyễn Hồng Nhung	12E	8.25	D	
38	Trần Quang Đáp	12E	8.25	D	
39	Lê Mai Thảo	12E	8.25	D	Từ 8.0 trở lên: 97.7%
40	Đỗ Thị Thùy Linh	12E	8.25	D	
41	Nguyễn Quốc Đạt	12E	8	D	
42	Trịnh Trung Dũng	12E	8	D	
43	Dương Văn Duy	12E	5.25	A1	

THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI TN THPT NĂM 2020

TT	Trường THPT	Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD&CD	Ngôn ngữ	TBCM	Điểm chuẩn TS 10
1	Sóc Sơn	8.12 ₁	7.60 ₂	7.28 ₃	6.99 ₄	5.43 ₅	5.64 ₆	7.24 ₇	8.53 ₈	5.59 ₉	7.80	45
2	Đa Phúc	8.14 ₁	7.70 ₁	7.13 ₄	6.84 ₃	5.16 ₅	5.62 ₆	7.25 ₇	8.22 ₈	5.29 ₉	7.67	42
3	Mê Linh	8.18 ₁	7.11 ₃	7.39 ₁	6.18 ₄	5.15 ₅	5.22 ₆	7.06 ₇	8.13 ₈	5.48 ₉	7.49	46.5
4	Trung Giã	7.85 ₄	7.00 ₁	7.18 ₃	7.30 ₁	5.43 ₅	4.90 ₆	7.05 ₇	8.31 ₈	4.00 ₉	7.38	41.5
5	Kim Anh	7.12 ₃	7.09 ₄	6.70 ₃	6.06 ₅	5.07 ₆	5.20 ₇	6.86 ₈	7.96 ₉	4.63 ₁₀	7.09	39.5
	Hà Nội	7.01	6.97	6.88	6.5	5.09	5.22	6.75	8.03	5.18	7.20	
	Toàn quốc	6.67	6.62	6.72	6.71	5.6	5.19	6.78	8.14	4.58	7.13	

Năm 2020-K55

Lớp	Môn Toán	Môn Văn	Môn Anh	Môn Lý	Môn Hóa	Môn Sinh	Môn Sử	Môn Địa	Môn GD&CD									
	ĐTB	TT	ĐTB	TT	ĐTB	TT	ĐTB	TT	ĐTB	TT								
12A	8.82	2	7.58	7	5.58	4	7.59	3	7.24	3	9.25	1	10.00	2	9.50	1		
12B	8.74	4	7.36	9	4.80	9	7.74	4	7.74	2	5.08	7	5.58	6	7.33	7	7.42	11
12C	9.14	1	7.76	4	6.31	3	7.93	3	8.07	1	5.74	1						
12D	8.76	3	8.80	1	8.22	1	8.50	1	5.75	8	4.50	11	5.65	5	7.56	3	8.33	4
12E	8.41	5	8.65	2	6.87	2	8.25	2	2.50	12	3.50	12	6.13	2	7.26	8	8.60	2
12G	7.61	9	7.73	6	4.66	7	5.88	11	6.04	6	5.31	4	5.75	3	7.39	5	8.16	6
12H	7.22	12	7.74	3	4.79	6	5.38	12	5.56	9	4.75	9	5.18	10	7.01	10	7.97	9
12I	7.40	10	7.81	2	5.07	5	7.25	6	3.67	11	5.50	2	5.45	8	6.86	11	8.03	8
12K	7.28	11	7.46	8	4.59	10	6.83	7	3.83	10	5.17	6	5.51	7	7.04	9	8.20	5
12M	7.91	6	7.21	10	4.00	11	6.30	10	6.64	4	5.38	3	5.72	4	7.72	2	8.05	7
12N	8.10	6	6.99	12	4.62	8	6.69	8	5.76	7	4.80	8	5.08	11	7.50	4	7.92	10
12P	8.04	7	7.11	11	3.73	12	6.44	9	6.12	5	4.54	10	5.25	9	7.36	6	8.41	3
ĐP	8.14		7.70		5.29		7.13		6.84		5.16		5.62		7.25		8.22	
TPHN	6.96		6.90		5.00		6.86		6.48		5.08		5.19		6.71		8.00	

Như vậy thiết kế và sử dụng phiếu học tập đúng mục đích là một yếu tố góp một phần quan trọng trong việc quyết định chất lượng giờ dạy nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Hiệu quả của sáng kiến kinh nghiệm

Trong thời gian thử nghiệm 3 năm cùng các số liệu thống kê ở trên, tôi nhận thấy nhận thức về vai trò của môn Văn ở HS gần như không có sự thay đổi nhiều, song mức độ hứng thú và tiếp thu của HS đã có sự thay đổi đáng kể.

Vì PHT là công cụ tiện lợi, gọn nhẹ không yêu cầu nhiều về điều kiện kinh tế của GV và HS. PHT có thể dùng chung cho nhiều lớp học, đối tượng học. Hơn nữa, thiết kế và sử dụng phiếu học tập không chỉ ở văn bản Đất Nước mà có thể áp dụng ở nhiều văn bản khác trong chương trình Ngữ văn các cấp học, cũng như các bộ môn khác. Cho nên các tiết HS thấy hấp dẫn, lôi cuốn vào các hoạt động học. Học sinh nhanh nhẹn, cởi mở, được củng cố và hệ thống hóa kiến thức, tăng cường khả năng giao tiếp.

Sử dụng phiếu học tập làm thay đổi không khí học tập của lớp, làm cho không khí trở nên dễ chịu, thoải mái hơn. Bên cạnh đó trò chơi học tập còn tạo cho HS khả năng quan sát tốt, tinh thần đoàn kết, giao lưu trong tổ, lớp tạo tính chủ động, tự tin, mạnh dạn, sáng tạo cho HS.

Mặt khác phiếu học tập là con đường thuận lợi để học sinh khắc sâu kiến thức khi học. Khi tổ chức trò chơi học tập giáo viên sẽ có dịp tận dụng các kinh nghiệm và sự sáng tạo của học sinh trong học tập.

Đặc biệt, khi trao đổi phương pháp dạy học này, các đồng nghiệp của tôi cũng tham khảo và điều chỉnh phù hợp với lớp học của mình, thu lại kết quả tốt. Đó chính là một phần minh chứng cho sự hiệu quả của phương pháp.

1.3. Những bài học kinh nghiệm

Phiếu học tập được xem là một dạng bài tập giúp học sinh lĩnh hội kiến thức một cách hệ thống, rèn luyện được kỹ năng đọc - hiểu, phát hiện được kiến thức trọng tâm sách giáo khoa, góp phần làm chuyên đổi cách dạy và học trong nhà trường.

Sử dụng phiếu học tập trong dạy học kết hợp với phương pháp học tập theo nhóm phải gắn với chương trình, sách giáo khoa, với chuẩn kiến thức kỹ năng được xác định trong từng môn học, từng phân môn cũng như với mỗi bài học cụ thể, phải phù hợp với từng đối tượng học sinh của mỗi lớp mình giảng dạy.

Kết quả học tập của học sinh là cơ sở để giáo viên có những điều chỉnh tích cực trong cách thức dạy học, tổ chức giờ dạy, giúp đỡ học sinh vươn lên.

Không phải tiết học nào cũng đều áp dụng thiết kế và sử dụng phiếu học tập được cả, nhưng giáo viên cần lựa chọn và xem xét xem bài nào, phần nào của bài mà tổ chức để đem lại hiệu quả cao hơn các phương pháp khác thì mới nên làm chứ không nên làm tràn lan không hiệu quả.

Giáo viên phải nắm chắc nội dung của giải pháp nói trên và cách tiến hành giải pháp để vận dụng đúng lúc đúng chỗ. Cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, chú ý tới yếu tố cơ sở vật chất, không gian phòng học, đồ dùng dạy-học và đối tượng học sinh trong lớp.

Điều quan trọng là, nhất thiết giáo viên phải tổng kết trước lớp những gì các em đã làm được. Động viên và khuyến khích các nhóm kịp thời. Phiếu học tập phải chính xác, khoa học, gây hứng thú và thu hút được đông đảo học sinh.

Đây là bài học kinh nghiệm của bản thân tôi được rút ra từ thực tiễn giảng dạy của tôi tại trường Trung học phổ thông Đa Phúc. Kinh nghiệm này đã được trao đổi nhiều tại các cuộc họp tổ chuyên môn. Có thể kết quả ứng dụng còn chưa cao rất mong nhận được sự góp ý của đồng nghiệp.

2. Khuyến nghị

Với lãnh đạo cấp trên: Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên Ngữ Văn thông qua các chương trình tập huấn, qua các chuyên đề phổ biến kinh nghiệm của các giáo viên dạy Giỏi.

Với các nhà trường: Bên cạnh việc trang bị cơ sở vật chất, nhà trường cần tăng cường đưa chủ đề dạy học vào các dịp hội giảng. Đưa hoạt động trên trường học kết nối vào hoạt động bắt buộc với các tổ bộ môn và giáo viên. Tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên được giao lưu với các đơn vị bạn. Khuyến khích những giáo viên có những sáng kiến kinh nghiệm, tổ chức các tiết hội giảng, thao giảng, các cuộc họp chuyên đề để giáo viên tham khảo học hỏi lẫn nhau.

Các đồng chí giáo viên: cần xem xét kỹ bài học trước khi thiết kế PBT.

Sau gần 15 năm ra trường, đã giảng dạy ở hai trường khác nhau với đối tượng HS có học lực khác nhau, tuy nhiên thời gian để đúc rút kinh nghiệm chưa nhiều, song tôi xin mạnh dạn trao đổi với các đồng nghiệp: **Thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học văn bản Đất Nước – Nguyễn Khoa Điềm (Ngữ văn 12)**. Với những kết quả đã đạt được sau khi sử dụng, tôi thiết nghĩ sẽ có cơ hội phát huy hơn nữa nếu được sử dụng hợp lý.

Tôi rất mong được sự góp ý và trao đổi từ các thầy cô!

Tôi xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://hoatieu.vn/chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-tong-the-mon-ngu-van-161474>
2. <https://giaoducthoidai.vn/trao-doi/su-dung-phieu-hoc-tap-trong-day-hoc-ngu-van-3793840.html>
3. <https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/tag/phi%E1%BA%BFu-h%E1%BB%8Dc-t%E1%BA%ADp>
4. <http://thuviengiaoan.vn/giao-an/phieu-hoc-tap-phuong-tien-day-hoc-hien-dai-33405/>
5. <https://toc.123doc.net/document/203509-a-li-luan-chung-ve-phieu-hoc-tap.htm>

PHỤ LỤC

PHẦN PHIẾU HỌC TẬP ĐÃ HOÀN THIỆN CỦA HS –
GV CÓ SỬA CHỮA, BỔ SUNG NỘI DUNG CƠ BẢN

9/19

PHIẾU HT SỐ 1: BỘ CỤC ĐOẠN TRÍCH ĐẤT NƯỚC

Tên nhóm/HS thực hiện: Đam Thị Hoat

HS thực hiện ở nhà

Yêu cầu: HS nắm rõ **Bộ cục tác phẩm**

PHẦN 1 (42 câu)

Những phát hiện mới mẻ
sâu sắc về ĐN

PHẦN 2 (47 câu)

Liên hệ và KD hệ tưởng
ĐN của ND

Nội dung 1: 9c (đầu)

Phát hiện mới mẻ, sâu sắc
về cơ nguồn ĐN

Nội dung 2: 20c (tiếp)

Cảm nhận mới về ĐN

Nội dung 3: 13c (cuối)

Sự gắn bó, trách nhiệm của
cá nhân với ĐN

Nội dung 1: 12c (đầu)

KD sự đóng góp của ND trong
việc tạo nên không gian địa lí ĐN

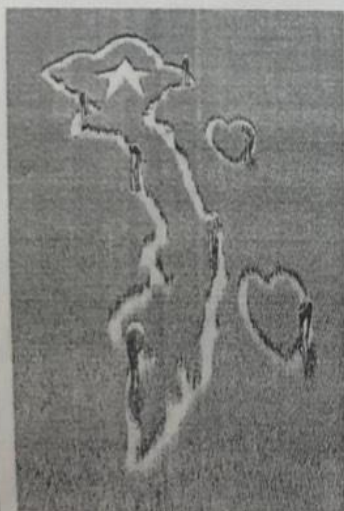
Nội dung 2: 25c (tiếp)

KD sự đóng góp của ND trong
việc tạo nên chiều dài lịch sử và

Nội dung 3: 10c (chiều sâu VH)
KD về hướng ĐN của ND

PHIẾU HT SỐ 2: PHẦN 1- ĐOẠN TRÍCH ĐẤT NƯỚC

- Tên nhóm/HS thực hiện: Lê Thị Kim Hương
- HS thực hiện ở nhà
- Yêu cầu: HS nắm được những phát hiện mới mẻ, thú vị về **Cội nguồn Đất nước**



PHẦN I NHỮNG CẢM NHẬN MỚI MẸ VỀ ĐẤT NƯỚC

CỘI NGUỒN ĐẤT NƯỚC (C1->9)

- * Đất Nước có từ bao giờ? (Thời gian hình thành)
- Khi ta lớn lên : gắn với thời điểm ra đời của một người
.....>...Khó...Xác...định...thời...gian...hình...thành..
.....>...ĐN...xưa...gần...gửi...xưa...xa...xưa.....
- những cái ngày xưa ngày xưa mẹ thường kể
.....>...Gai...thời...gian...xa...xưa.....
->...Đất...nước...hà...nên...thôn...thường.....
- * Đất Nước bắt đầu từ đâu? (Yếu tố bắt đầu)

Hình ảnh miếng trầu

- ...Vật...chất...nhỏ...bé...nhưng...có...bề...dày...văn...hoá..
.....>...phát...huấn...môi...mực...y...nghe...hiếu.....
- * Đất Nước lớn lên như thế nào? (Sự phát triển)

- Dân mình trông tre, đánh giặc
.....Truyền...thông...chông...giặc...ngươi...xâm.....
- Búi tóc của mẹ
.....Phong...tục...lạ...đẹp...của...người...thụ...nữ...(quan...
.....niệm...về...cái...đẹp...là...sự...gọn...gàng...,nữ...tình..
- Gừng cay, muối mặn
.....Gia...vi...quen...thuộc...trong...đời...sống...sinh...hoạt...nhưng..
.....hương...trung...cho...đinh...nghe...vợ...chờ...thuyền...chung..
- Hình ảnh "kèo cột"
.....Tục...lạ...nhà...người...Việt.....
.....Tục...đất...ten...còn.....
- Hạt gạo + say giờ
.....Nguồn...vật...chất...nước...sông.....
.....Truyền...thông...lao...đồng...cần...củ...chau...hò...sống...tạo..
* Lời khẳng định
- Đất...nước...có...từ...rất...xa...xưa

NHẬN XÉT CHUNG

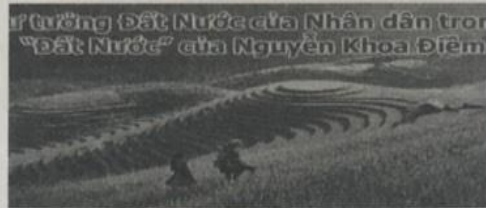
- Phương diện nghệ thuật
.....Thể...thơ...tự...do...;.....Giọng...tho...thả...thiết...;.....Ngôn...ngữ...;.....Hình...ảnh...chọn...bạc...
.....quen...thuộc...;.....Bên...nhập...từ...từ...liệt...kể.....
- Phương diện nội dung
+ Đất nước có từ...xa...xưa.....
+ Đất nước gắn bó với...nh...người...bình...di...(là...cá...chân...bà...mẹ...,cây...đồng...)..
+ Cảm nhận chung về Đất nước...xưa...gần...gửi...thôn...thường...xưa...trần...trông...thiên...liêng.....

PHIẾU HT SỐ 3: PHẦN 1- ĐOẠN TRÍCH ĐẤT NƯỚC - Tên nhóm/HS thực hiện: <u>Ngô Thanh Trúc</u> - HS thực hiện ở nhà - Yêu cầu: HS nắm được <u>Định nghĩa mới mẻ, thú vị của tác giả về Đất Nước</u>	PHIẾU HT SỐ 4: PHẦN 1- ĐOẠN TRÍCH ĐẤT NƯỚC - Tên nhóm/HS thực hiện: <u>Ngô Thanh Trúc</u> - HS thực hiện ở nhà - Yêu cầu: HS nắm được <u>Mối quan hệ và trách nhiệm của cá nhân với Đất Nước</u>
ĐỊNH NGHĨA VỀ ĐẤT NƯỚC (C10->29) (Đất Nước là...) * Về phương diện không gian địa lý - Hai yếu tố "Đất" và "Nước" → tách ra để suy tư sâu sắc, soi chiếu làm rõ cách hiểu về đất nước - Không gian địa lý riêng tư "nét anh đến tương...", "nét em tắm" → đất nước gần gũi, thân thiết, nhỏ bé - Không gian cộng đồng rộng lớn "nét dân mình đoàn tụ" → đất nước thiêng liêng, to lớn * Về phương diện lịch sử lâu dài - Trong quá khứ: "những ai đã khuất" → đất nước là thế hệ cha ông - Thời điểm hiện tại "những ai bây giờ", với trách nhiệm duy trì nét giống, gìn giữ trách nhiệm, duy trì - Thời gian tương lai "con cháu tiếp nối truyền thống mai sau" * Về phương diện chiều sâu văn hóa: "đàn bà, đàn ông, đồng bào" "nhớ ngày giỗ Tổ, lòng nước nhớ quê" Nhận xét chung → Tác giả đã hướng tới các nhìn nhận và nhiều chiều về đất nước để khơi dậy lòng đất nước có chiều dài của thời gian lịch sử, chiều rộng của không gian địa lý và chiều sâu của truyền thống văn hóa dân tộc.	MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN VỚI ĐẤT NƯỚC (C30->42) * Sự kết tinh giá trị của ĐN trong mỗi con người - "Anh và em hôm nay" "... cá nhân... hiện tại..." - "một phần ĐN" mang trong mình 1 phần giá trị văn hóa của đất nước * Mối quan hệ gắn bó - "Hai đứa cầm tay" - ĐN "hài hòa" hạnh phúc, lứa đôi, hài hòa với... tình yêu đất nước → <u>đời... thế... mạng</u> - "Cầm tay mọi người" - "ĐN vẹn tròn" tình thân, đoàn kết, giúp đất nước vẹn tròn, phát triển * Niềm tin vào thế hệ trẻ - ĐN đi xa: "đi phát triển... mạnh mẽ" - Đến những ngày mơ mộng làm cho cuộc sống hạnh phúc, yên bình * Nhấn gửi trách nhiệm - "gắn bó" yêu thương, đoàn kết - "sân sẻ" chia sẻ, gánh vác trách nhiệm - "hóa thân" hiến dâng, hi sinh Nhận xét chung Đất nước được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương và tình đoàn kết của dân tộc đồng thời tác giả nhắc nhở: cần có trách nhiệm giữ gìn, xây dựng, làm cho đất nước sống mãi muôn đời.

12/19

PHIẾU HT SỐ 5: PHẦN II ĐOẠN TRÍCH ĐẤT NƯỚC

- Tên nhóm/HS thực hiện: Trần Thị Thảo
- HS thực hiện ở nhà
- Yêu cầu: HS nắm được **Tư tưởng Đất Nước của nhân dân**

**TƯ TƯỞNG ĐẤT NƯỚC CỦA NHÂN DÂN**

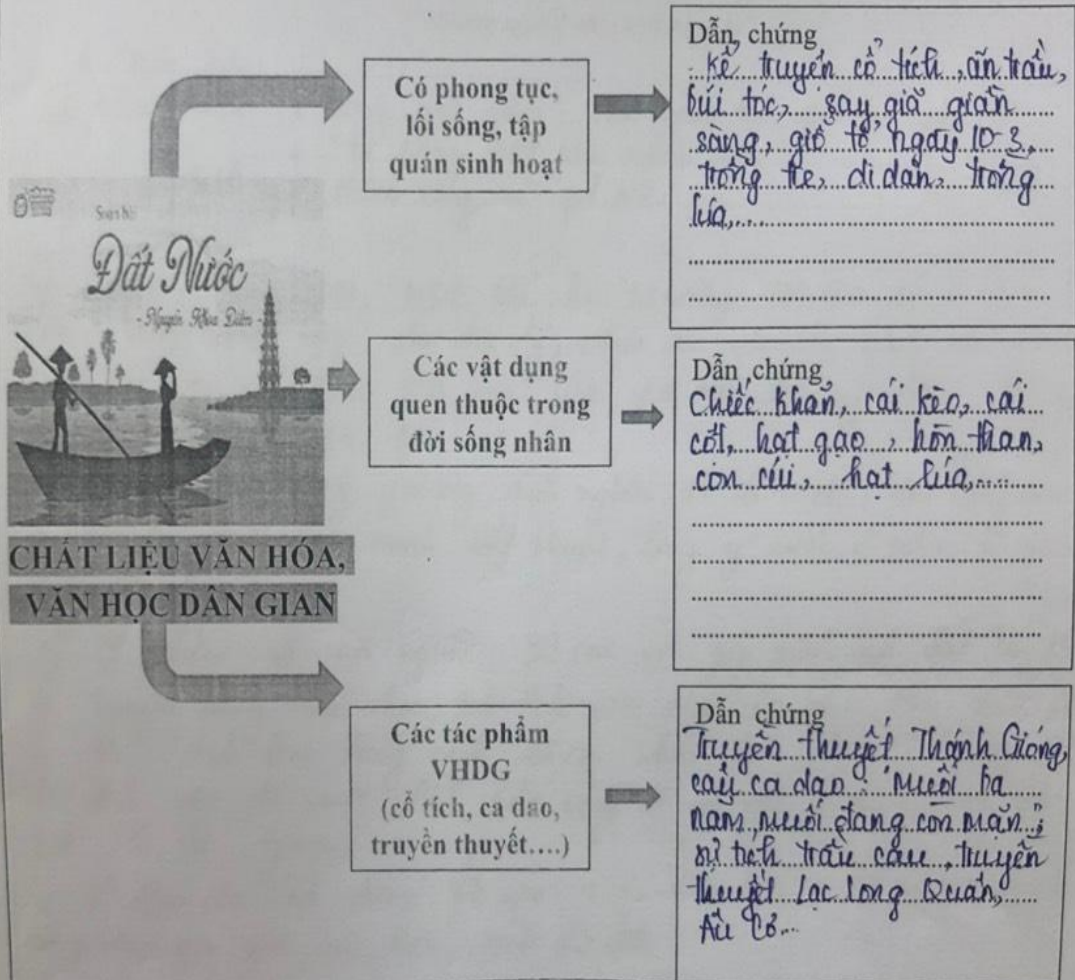
Nhân dân làm nên bức tranh không gian Địa lý tươi đẹp * Nhân dân góp công làm nên vẻ đẹp địa danh, thắng cảnh khắp đất nước - Núi Vọng Phu... mang vẻ đẹp... của... tình yêu... và... - Áo đầm - Đất tổ Hùng Vương - Chàng... cho... tình... - Dòng sông xanh - Núi Bút non Nghiên - Thắng cảnh Hạ Long - Địa danh ở Nam Bộ * Khái quát lại vai trò ND + Liệt kê không gian - "4000 năm" - "cuộc đời hóa núi sông" → ND... góp... huy...	Nhân dân làm nên lịch sử 4000 năm * Tiếp cận lịch sử: "nhìn xa vào 4000 năm" → tráo... đứng * Công lao của nhân dân - Những người con gái con trai với phẩm chất đẹp (yêu nước... đứng... hi sinh, quyết...) - Những anh hùng anh và em nhớ... anh... - Những con người vô danh..... Khi sống... Khi chết... Vai trò..... Lâm... AN	Nhân dân tạo ra và giữ gìn những giá trị văn hóa - Hạt lúa → vật... đất... - Lúa →... - Giọng điệu... →... - Tên xã, làng →... - Đập đập be bờ →... - Chông ngoại xâm, nội thù →... ...	Tư tưởng cốt lõi, cảm hứng bao trùm cả đoạn trích * Tư tưởng ĐN của nhân dân - Lời khẳng định... - Thề loại VH của nhân dân: "ca..." - Phẩm chất người Việt... * Viên cảnh tượng lai tươi sang - Hình ảnh dòng sông →... - Tiếng hát người chèo... - Vẻ đẹp dòng sông đất nước →... ...
--	---	--	---

NHẬN XÉT CHUNG

- NT... thi... thơ... tự... do... yêu...
- ND... khẳng...
- NT... thi... thơ... tự... do... yêu...
- ND... khẳng...

**PHIẾU HT SỐ 6: CHẤT LIỆU VĂN HÓA VĂN HỌC DÂN GIAN
TRONG ĐOẠN TRÍCH ĐẤT NƯỚC**

- Tên nhóm/HS thực hiện: Lê Thanh Tâm
 HS thực hiện nhóm 2 người – 7 phút
 Yêu cầu: Điền vào khoảng trống



NHẬN XÉT

Chất liệu văn hóa, văn học dân gian được sử dụng làm nền tảng tạo nên một không gian nghệ thuật riêng của đoạn trích, vừa bình dị, gần gũi, hiện thực lại vừa giàu tưởng tượng, bay bổng, mở rộng tầm nhìn có thể nói chất dân gian đã thấm sâu vào hi vọng và cảm xúc của tác giả.

PHIẾU HT SỐ 7: TƯ TƯỞNG ĐẤT NƯỚC CỦA NHÂN DÂN

Tên nhóm/HS thực hiện: Nguyễn Thu Hương

HS thực hiện tại nhà

- Yêu cầu: Nhận định về đoạn trích Đất Nước (Trích trường ca Mặt đường khát vọng) của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, Sách giáo khoa Ngữ văn 12 viết: "Đóng góp riêng của đoạn trích là ở sự nhấn mạnh tư tưởng Đất Nước của nhân dân". Anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua đoạn thơ: "Những người vợ...núi sông ta"

→ Thân bài:

① Giải thích: + "đóng góp riêng": sự sáng tạo, giá trị của tp?

+ "tư tưởng ĐN của nhân dân":

⇒ đánh giá thành công về pd NP:

② CN: Trong ĐN, NKT thể hiện tư tưởng ĐN của nd ở nhiều bình diện: trong chiều rộng của địa lý, chiều dài của LS, chiều sâu của VH.

* T¹ ĐN của nd được thể qua việc kết ND là ng làm nên tgran địa lý tươi đẹp của ĐN.

+ Bằng truyền thống y thường, tình nghĩa, lễ lúa đơm, Hồn Trống Mai, núi VPhu

+ Truyền thống đấu tranh bất khuất, lòng y nước của nd: n ao đầm ở làng Giồng

+ ý thức về cội nguồn: 99 con voi góp mình xđ đất Tổ Hùng Vương

+ Truyền thống hiếu học, tình thần vượt khó của nd: Núi Bút, non Nguyền

→ Núi danh lam thắng cảnh là nơi hóa thân của nd vào ĐN, nd đã thổi vào đó một linh hồn sống để nơi vật vô tư vô giác trở nên bất tử với tgran.

* T² ĐN của nd được thể qua 4 câu thơ cuối: kết vai trò của nd trong việc gìn giữ văn hóa, lịch sử ĐN

+ Hai câu đầu: "trên khắp ruộng đồng gò bãi" - tgran ĐN mang "một ao ước, một lời sống cha ông". Nd ko chỉ góp nên tên gọi DLTC, mà còn góp vào đó n gtr tình thần, phong tục, tập quán là truyền thống văn hóa, những yếu tố làm nên lịch sử của cha ông lưu giữ từ mai sau.

+ Hai câu sau: từ n cuộc đời, n hóa thân cụ thể, nhớ nhận thức sâu hơn về mgh gắn bó giữa TN và con người, giữa đất nước và nd → Lời nhắc nhở sâu sắc về ý thức gìn giữ ĐN và tiếp nối truyền thống.

* T³ ĐN của nd còn chủ chốt đến h thức NT của trích:

+ Kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất chính luận và trữ tình

+ Chất hiện văn hóa dân gian được sd linh hoạt, sgo

+ Các động từ "góp"... , đẹp cấu trúc → làm nổi bật vai trò của ND

- Bàn luận.

+, Trong trích, t^2 ĐN của nd được thể hiện đậm nét, trở thành cảm hứng chủ đạo, xuyên suốt vào mọi biểu hiện nhỏ bé nhất của hình tượng.

+, Với NKĐ, tư tưởng ĐN của nd là kết quả của sự trải nghiệm, tận mắt chứng kiến và đóng góp, hui sinh của nhân để làm nên ĐN.

+, Trong hoàn cảnh đương thời, khi ở m. Nam lan truyền tư tưởng thực dân, phản động của đế quốc Mỹ thì việc nhân mạnh t^2 ĐN của nhân để nêu nhận rõ vai trò của nd với đất nước càng có ý nghĩa.

* Kết bài.

- Khẳng định sự nhân mạnh t^2 ĐN của nd mang lại giá trị lâu bền cho nền văn học Việt rõ thể hiện giá trị nhân văn cao đẹp.

- Hơn đây tình yêu nước, niềm tự hào dân tộc, trách nhiệm và khát vọng cống hiến cho ĐN.